

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-PT

Ngày 21/3/2023

V/v "Kiện đòi tài sản là quyền sử
dụng đất, đòi giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo
dỡ tài sản trên đất"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Thẩm phán: bà Đỗ Thị Kim Quy, bà Hoàng Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc
thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 15/2022/TLPT-DS ngày
27/12/2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Toà
án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2023/QĐPT-DS
ngày 21/02/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nhâm Thị M, sinh năm 1945; địa chỉ tổ 8, thị trấn N,
huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt có lý do.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: anh Phạm Đức B, sinh
năm 1978; địa chỉ tổ 8, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang (giấy uỷ quyền lập
ngày 01/8/2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Phạm
Quang H, ông Phạm Trung K; Luật sư, Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư
thành phố Hà Nội; địa chỉ số 26, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* ông Lê Đình N, sinh năm 1942; địa chỉ tổ 7, thị trấn N, huyện V,
tỉnh Hà Giang; vắng mặt có lý do.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: ông Lê Đình X, sinh năm 1972;
địa chỉ tổ 9, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang (giấy uỷ quyền lập ngày
27/02/2023); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Chu Bá T, Luật sư, Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ số 481, đường N, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Nhâm Thị N1, sinh năm 1943; địa chỉ tổ 7, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt có lý do.

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Đình X, sinh năm 1972; địa chỉ tổ 9, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang (giấy uỷ quyền lập ngày 27/02/2023); có mặt.

- *Người làm chứng:* chị Lê Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ tổ 7, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Lê Đình N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nhâm Thị N1.

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án nguyên đơn bà Nhâm Thị M, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Phạm Đức B trình bày:

Khoảng năm 1992, năm 1993, sau khi Nông trường chè, cà phê V giải thể, con trai bà M là anh Phạm Hồng T1 (sinh năm 1972) cùng với một số hộ dân lấn chiếm san lấp ao cơ khí thuộc đất của Nông trường chè, cà phê V để sử dụng. Năm 1997, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hà Giang ra Quyết định số 1134/QĐ-UB về việc thu hồi toàn bộ diện tích đất lấn chiếm trái phép đối với 14 hộ dân. Do các hộ dân có nhu cầu sử dụng và để giải quyết chỗ ở cho người dân tại địa phương, được sự đồng ý của cấp trên, 14 hộ dân lấn chiếm đất đã làm đầy đủ thủ tục và được UBND tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 1445/QĐ-UB ngày 11/9/1998 về việc hợp thức hoá quyền sử dụng đất ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho 14 hộ gia đình, cá nhân tại khu vực thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang, trong đó anh Phạm Hồng T1 được cấp GCNQSDĐ số vào sổ 54/QSDĐ/1445/QĐ-UB tại thửa số 71^h, tờ bản đồ số 14, diện tích 153,5m², địa chỉ thửa đất: tổ 19 (nay là tổ 6), thị trấn Nông trường V, huyện V, tỉnh Hà Giang. Trước khi được cấp GCNQSDĐ, anh T1 đã xây dựng móng đá trên phần diện tích đất này. Quá trình sử dụng đất đến ngày 29/9/2003 thì anh T1 chết, gia đình bà cũng chưa xây dựng gì thêm trên đất của anh T1. Đến tháng 7/2017, gia đình bà phát hiện ông Lê Đình N cùng con trai là anh Lê Đình X đã tự ý xây dựng nhà trên diện tích đất của con trai bà mà không được sự đồng ý của gia đình bà. Gia đình bà đã báo cáo sự việc đến các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết nhiều lần nhưng không thành. UBND thị trấn Nông trường V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và buộc ông Lê Đình N phải dừng việc xây dựng trái phép nhưng ông N không chấp hành. Hiện nay ông N vẫn đang giữ GCNQSDĐ của con trai bà, do đó bà M làm đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Lê Đình N, anh Lê Đình X phải tháo dỡ toàn bộ công trình

đã xây dựng trái phép trên đất của con trai bà, trả lại diện tích 153,5m² đất và GCNQSDĐ của con trai bà cho bà quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản lấy lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, bị đơn ông Lê Đình N, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn anh Lê Đình X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nhâm Thị N1 cùng trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất hiện nay đang tranh chấp là ao cơ khí của nông trường V, khi đó (năm 1991) ông N và một số hộ gia đình là cán bộ công nhân cơ khí của nông trường đứng ra lấn chiếm đất. Sau khi lấn chiếm đất (khoảng 17m) ông N đã cho các con là anh H1, chị L (cho chung).

Sau khi được cho đất thì khoảng năm 1993 anh H1 đã xây nhà ở trên một diện tích đất được cho (sau khi được cấp GCNQSDĐ là thửa 71^g); còn chị L có xây móng đá và xây nhà tạm có lợp ngói trên toàn bộ diện tích đất được cho (sau khi được cấp GCNQSDĐ là thửa 71^h). Sau khi xây móng đá và làm nhà thì chị L có nhờ anh H1 trông coi giúp đối với diện tích đất này.

Đến năm 1998 UBND tỉnh đã cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình sử dụng đất lấn chiếm trong đó có hộ gia đình anh Phạm Hồng T1 (thửa 71^h); còn đối với việc tại sao đất là của chị L mà GCNQSDĐ lại mang tên Phạm Hồng T1 thì ông N, anh X được biết là chị L nhờ anh T1 đứng tên hộ trong GCNQSDĐ. Sau thời điểm anh T1 chết, vào khoảng năm 2006 có cho chị H2 thuê nhà và chị H2 có coi nói thêm, còn anh H1 hay chị L đứng ra cho thuê thì tôi không biết. Sau chị H2 thì có anh L1 thuê nhà (khoảng năm 2015) và anh L1 vẫn thuê nhà cho đến nay.

Việc bà M khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông N là không đúng, vì sau khi cho các con đất từ năm 1991 ông N không tham gia vào việc quản lý, sử dụng diện tích đất đã cho. Sau khi phát sinh việc tranh chấp đất thì ông N xác định là diện tích đất hiện nay đang tranh chấp (thửa 71^h) là phần diện tích đất mà ông N đã cho chị L từ năm 1991.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị L (tại Thông báo số 1716/TB-TA ngày 08/7/2022 Toà án đưa bà L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; tại Thông báo số 1855/TB-TA ngày 27/7/2022 Toà án xác định lại tư cách tham gia tố tụng của bà L không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Bản án sơ thẩm xác định bà L là người làm chứng trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là ao cơ khí của Nông trường chè V, đến năm 1991 gia đình bà có đồ đất nhận một phần để sử dụng, sau đó bố của bà là ông Lê Đình N đã cho bà và anh trai bà là ông Lê Đình H1. Cuối năm 1993, đầu năm 1994, ông H1 có xây nhà và bà cũng xây dựng chung móng cùng ông H1 và nhờ ông H1 trông nom, quản lý hộ. Đến năm 1998, nhà nước hợp thức hoá chuyển quyền sử dụng và cấp GCNQSDĐ cho 14 hộ gia đình và bà có nhờ anh Phạm Hồng T1 là con di ruột (tức bà Nhâm Thị M) đứng tên thay vì lúc đó bà đang làm cán bộ tại huyện V nên không tiện đứng tên trong GCNQSDĐ. Ngày

09/9/2003, bà L là người đi kê khai, nộp thuế để được cấp GCNQSDĐ, bà cũng là người nhận GCNQSDĐ tại Phòng Địa chính huyện V, khoảng 20 ngày sau thì anh T1 chết đột ngột nên chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho bà được, hiện GCNQSDĐ mang tên anh T1 do bà đang giữ, bà đang quản lý và cho thuê nhà trên đất. Năm 2003, bà có cho bà Dương Thị H2 (*sinh năm 1966; trú tại thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh V*) thuê đất để bán hàng, tiền thuê chị Huệ trả cho ông H1. Khoảng tháng 6/2016, bà có nhu cầu sửa chữa lại và có xuống nhà chú, dì bà là ông Phạm Thanh T2 và bà Nhâm Thị M để nhờ chú, dì làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ từ anh T1 sang cho bà vì khi đó anh T1 là người đứng tên trong GCNQSDĐ đã chết, ông T2 và bà M nhất trí, sau đó có đưa cho bà giấy chứng tử của anh Phạm Hồng T1 (*bản sao*), sổ hộ khẩu gia đình (*bản chính*) và chứng minh nhân dân của ông Phạm Thanh T2 và bà Nhâm Thị M để làm thủ tục, tuy nhiên do giấy chứng minh nhân dân của ông T2 đã quá hạn (cấp năm 1979) nên bà và ông T2 đã đến Công an tỉnh Hà Giang để làm lại giấy chứng minh nhân dân (*hiện giấy chứng tử của anh Phạm Hồng T1 (bản sao), sổ hộ khẩu gia đình ông T2 (bản chính) bà L vẫn đang giữ*). Trong thời gian chờ lấy giấy chứng minh nhân dân của ông T2 thì anh trai bà là Lê Đình H1 chết, sau đó bà có xuống nhà ông T2, bà M để hỏi ông T2 đã lấy được giấy chứng minh nhân dân chưa để bà hoàn thiện thủ tục sang tên GCNQSDĐ thì ông T2, bà M lại không đồng ý làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ và cho rằng đất này là của con trai ông bà. Nay bà Nhâm Thị M khởi kiện ông Lê Đình N (bố của bà L) phải tháo dỡ nhà và trả lại toàn bộ diện tích đất là 153,5m² đất đã được UBND tỉnh Hà Giang cấp GCNQSDĐ mang tên Phạm Hồng T1 là không đúng quy định của pháp luật, xác định sai chủ thể khởi kiện, xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/10/2021 xác định: Thửa đất tranh chấp thuộc thửa 71^h, tờ bản đồ số 14, diện tích 153,5m², có các phần tiếp giáp: phía Đông giáp trục đường Quốc lộ 2, phía Tây tiếp giáp với rãnh nước đất nhà ông H3 và anh D, phía Nam giáp đất gia đình T4 - N2, phía Bắc giáp đất ông Lê Đình H1. Về tài sản trên đất: có 02 ngôi nhà cấp 4 xây tường 110, mái lợp tôn xộp, nền láng vữa xi măng, cùng kích thước 4,17m x 15,2m và 02 bán mái cột gỗ, kết hợp cột bê tông, xà gồ gỗ, mái lợp fibro xi măng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện V đã căn cứ Điều 97; khoản 1, khoản 3 Điều 166; Điều 203 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 579 Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất của nguyên đơn bà Nhâm Thị M.

Buộc ông Lê Đình N và anh Lê Đình X phải tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây dựng trên đất của anh Phạm Hồng T1 trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án để trả lại mảnh đất của anh T1 cho bà Nhâm Thị M, trú tại tổ 8, thị trấn Nông trường V, huyện V, tỉnh Hà Giang. Mảnh đất có diện tích 153,5m², thuộc thửa đất số 71h, tờ bản đồ số 14 có vị trí tiếp giáp:

- Phía Đông tiếp giáp với trục đường quốc lộ 2;
- Phía Tây tiếp giáp với rãnh nước đất nhà ông H3 và anh D;
- Phía Nam tiếp giáp với đất nhà ông Dương Ngọc T4;
- Phía Bắc tiếp giáp với đất nhà anh Lê Đình H1.

Xử buộc ông Lê Đình N phải trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Hồng T1; Địa chỉ Tổ 19, thị trấn V, huyện V, Hà Giang, diện tích 153,5m² tại tờ bản đồ số 14, thửa số 71^h đất ở theo sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 54/QSDD/1445/QĐ-UB ngày 11/9/1998 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp, cho người nhận là bà Nhâm Thị M; Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn Nông trường V, huyện V, tỉnh Hà Giang (Do anh T1 đã chết nên bà M là mẹ đẻ của anh T1 được hưởng phần thừa kế di sản theo pháp luật).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Đình N phải trả lại cho anh Phạm Đức B số tiền là 2.400.000 đồng, số tiền anh B đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định và định giá tài sản tại Tòa án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Đình N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nhâm Thị M 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 02401 ngày 26/3/2020.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 01/12/2022, ông Lê Đình N là bị đơn trong vụ án và bà Nhâm Thị N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo, với nội dung: Ông N và bà N1 cho rằng việc Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang nhận định, xét xử buộc ông N phải trả toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên và tháo dỡ toàn bộ công trình, xây dựng trên đất để trả lại cho bà Nhâm Thị M là không đúng với bản chất vụ việc, không khách quan, không xem xét đến nguồn gốc hình thành thửa đất, không thu thập và xem xét đánh giá chứng cứ một cách đầy đủ.

Xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Lê Đình N là bị đơn là không đúng, không đưa người trực tiếp đang quản lý, sử dụng cụ thể là bà Lê Thị L (con gái ông N, trú tại tổ 7, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang) vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông N.

Do đó, ông N, bà N1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Ngày 20/12/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V với nội dung: cấp sơ thẩm xác định thiếu quan hệ pháp luật tranh chấp; chưa làm rõ ai là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất 153,5m² tại tờ bản đồ số 14, thửa số 71^h GCNQSDĐ mang

tên hộ ông Phạm Hồng T1; ai là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản có trên diện tích đất tranh chấp; ai là người đang cầm giữ GCNQSDĐ mang tên hộ ông Phạm Hồng T1; xác định thiếu tư cách tham gia tố tụng. Do đó, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện V giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Lê Đình N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nhâm Thị N1 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: tại phiên toà Viện kiểm sát thay đổi nội dung kháng nghị từ huỷ bản án sơ thẩm sang sửa bản án sơ thẩm và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa Bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang, cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 68, Điều 91, Điều 92, Điều 95, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Đình N, không xem xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nhâm Thị N1; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

Sửa Bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nhâm Thị M về việc buộc ông Lê Đình N, anh Lê Đình X phá dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên diện tích đất 153,5m² thửa số 71^h, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại tổ 19 (nay là tổ 6), thị trấn Nông trường V, huyện V, tỉnh Hà Giang để trả lại GCNQSDĐ số L 884165 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp cho hộ ông Phạm Hồng T1 cho người nhận là bà Nhâm Thị M.

2. Về chi phí tố tụng: bà Nhâm Thị M phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 2.400.000 đồng (bà M đã thi hành xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nhâm Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Nhâm Thị M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân

sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 02401 ngày 26/3/2020.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Đình N, bà Nhâm Thị N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông N, bà N1 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 0002334 ngày 05/12/2022 của ông Lê Đình N và biên lai thu số 0002335 ngày 05/12/2022 của bà Nhâm Thị N1 (đều do chị Lê Thị L nộp thay).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của bị đơn ông Lê Đình N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nhâm Thị N1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đều trong hạn luật định quy định tại Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự được Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà vắng mặt người có kháng cáo là bị đơn ông Lê Đình N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nhâm Thị N1 (có lý do), nhưng người được uỷ quyền là anh Lê Đình X và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Chu Bá T có mặt. Tại phiên toà vắng mặt nguyên đơn là bà Nhâm Thị M (có lý do), nhưng có mặt người được uỷ quyền là anh Phạm Đức B và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Phạm Quang H, ông Phạm Trung K.

[3] HĐXX xét thấy người kháng cáo là ông N, bà N1 vắng mặt có lý do, tại phiên toà có mặt người được uỷ quyền là anh X và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; nguyên đơn là bà M vắng mặt có lý do, tại phiên toà có mặt người được uỷ quyền là anh B và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Xét thấy những người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên HĐXX thảo luận và quyết định vẫn tiến hành phiên toà.

[4] Đối với tư cách tham gia tố tụng của bà Nhâm Thị M: quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự xác nhận anh Phạm Hồng T1 chết năm 2003, không để lại di chúc hoặc giấy tờ gì, trước khi chết anh T1 chưa có vợ con; bố đẻ của anh T1 là ông Phạm Thanh T2 chết năm 2019. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của anh T1 hiện tại chỉ còn lại bà Nhâm Thị M (là mẹ đẻ). Do đó, bà M là người thừa kế quyền và nghĩa vụ duy nhất của anh Phạm Hồng T2, việc bà M có đơn khởi kiện tại Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Phạm Hồng T1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về quan hệ pháp luật: Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nhâm Thị M và bị đơn ông Lê Đình N là "Tranh chấp

quyền sử dụng đất" là chưa chính xác. Bởi lẽ, theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2020, bà Nhâm Thị M cho rằng quyền sử dụng thửa đất số 71^h, tờ bản đồ số 14, diện tích 153,5m², địa chỉ thửa đất tại tổ 19 (nay là tổ 6), thị trấn Nông trường V, huyện V, tỉnh Hà Giang đã được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hà Giang hợp thức hoá và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho con trai bà là anh Phạm Hồng T1 (đã chết) nên thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh T1. Nay ông Lê Đình N, anh Lê Đình X xây dựng trái phép trên đất của anh T1, chiếm giữ đất và GCNQSDĐ của anh T1, do đó bà M khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Lê Đình N, anh Lê Đình X phải trả lại diện tích 153,5m² đất và GCNQSDĐ của con trai bà cho bà quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật; đồng thời yêu cầu tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây dựng trái phép. Như vậy, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất*" mới đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về nội dung này là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[6] Xét nội dung kháng cáo của ông N, bà N1: từ các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án như lời khai của ông Lê Đình N (bút lục 297, 298, 426-428), lời khai của anh Lê Đình X là con trai của ông N đồng thời là người được ông N uỷ quyền (bút lục 217, 218, 421-422); bản tự khai và lời khai của chị Lê Thị L là con gái của ông Năm (bút lục 227, 271, 272, 423-425); lời khai của bà N1 là vợ của ông N, đồng thời là mẹ đẻ của chị L, anh X (bút lục 428) đều khẳng định là chị Lê Thị L mới là người được giao quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 71^h, tờ bản đồ số 14, diện tích 153,5m², địa chỉ thửa đất tại tổ 19 (nay là tổ 6), thị trấn Nông trường V, huyện V, tỉnh Hà Giang từ sau khi ông N lần chiếm đất vào năm 1991 cho đến nay; tài sản có trên đất bao gồm móng đá, nhà xây cấp 4 đều do chị L xây dựng, tôn tạo (*nội dung này được chứng minh bởi một số hộ gia đình xung quanh cùng lấn chiếm đất từ năm 1991*); đồng thời chị L mới là người đang cầm giữ GCNQSDĐ mang tên hộ ông Phạm Hồng T1. Từ những chứng cứ, tài liệu nêu trên xét thấy hiện tại ông Lê Đình N, anh Lê Đình X không liên quan đến diện tích đất đang tranh chấp, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[7] Như vậy, việc bà M xác định ông Lê Đình N, anh Lê Đình X là bị đơn và khởi kiện yêu cầu buộc ông Lê Đình N, anh Lê Đình X phải trả lại diện tích 153,5m² đất và GCNQSDĐ mang tên hộ ông Phạm Hồng T1 cho bà M quản lý, sử dụng; đồng thời yêu cầu ông N, anh X tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây dựng trên đất là không đúng đối tượng, không đúng chủ thể.

[8] Từ các phân tích nêu trên, thấy cần chấp nhận kháng cáo của ông N, bà N1 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nhâm Thị M về việc đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Lê Đình N, anh Lê Đình X trả lại diện tích đất 153,5m², tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây dựng trên đất và trả lại GCNQSDĐ mang tên hộ ông Phạm Hồng T1 cho bà quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

[9] Bà M có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, xét thấy:

[11] Về quan hệ pháp luật: chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất*".

[12] Các nội dung khác của kháng nghị: nội dung này đã được khắc phục, làm rõ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm. Do đó, xét thấy không cần huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án mà chỉ cần sửa bản án sơ thẩm cho đúng với các tình tiết khách quan của vụ án cũng bảo đảm được quyền và lợi ích của các bên đương sự.

[13] Chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[14] Chấp nhận một phần ý kiến, quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Đình N.

[15] Không chấp nhận ý kiến, quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nhâm Thị M.

[16] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên cần sửa bản án sơ thẩm về án phí, chi phí tố tụng cho đúng với quy định của pháp luật.

[17] Về án phí

[18] Về án phí dân sự sơ thẩm

[19] Đối với bà Nhâm Thị M: bà M là người cao tuổi, quá trình xét xử phúc thẩm bà M có đơn xin miễn án phí. Do đó, bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Nhâm Thị M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 02401 ngày 26/3/2020.

[20] Ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[21] Về án phí dân sự phúc thẩm

[22] Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Lê Đình N, bà Nhâm Thị N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0002334 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang; trả lại cho bà N1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0002335 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang.

[23] Về chi phí tố tụng: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà M phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 2.400.000 đồng (do anh Phạm Đức B nộp thay cho bà M trong giai đoạn xét xử sơ thẩm), xác nhận là bà M đã thi hành xong.

[24] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 97, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai; Điều 166 Bộ Luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Đình N, bà Nhâm Thị N1.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nhâm Thị M về việc buộc ông Lê Đình N, anh Lê Đình X trả lại diện tích đất 153,5m², tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây dựng trên đất và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Hồng T1 cho bà M quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: bà Nhâm Thị M phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 2.400.000 đồng (do anh Phạm Đức B nộp thay), xác nhận là bà M đã thi hành xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Nhâm Thị M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 02401 ngày 26/3/2020.

Ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Đình N, bà Nhâm Thị N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông Năm 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0002334 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang; trả lại cho bà N1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0002335 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện V, tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện V, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường